

Bài viết sử dụng số liệu của đề tài Quỹ Khoa học công nghệ: "Nhu cầu tinh thần của thanh niên các dân tộc thiểu số vùng Tây Nam Bộ ở nước ta hiện nay và một số nhân tố tác động" do TS. Vũ Ngọc Hà làm chủ nhiệm, đề tài được Quỹ Nafosted tài trợ.

THỰC TRẠNG GIỮ GÌN BẢN SẮC VĂN HÓA THÔNG QUA VIỆC SỬ DỤNG NGÔN NGỮ VÀ TRANG PHỤC CỦA THANH NIÊN DÂN TỘC VÙNG TÂY NAM BỘ

TS. Đỗ Thị Lệ Hằng

Viện Tâm lý học.

TÓM TẮT

Thanh niên dân tộc Khmer, Chăm và Hoa sử dụng đan xen hai ngôn ngữ: ngôn ngữ phổ thông và ngôn ngữ dân tộc trong giao tiếp hàng ngày của họ. Chỉ có thanh niên dân tộc Chăm vẫn duy trì được thói quen sử dụng trang phục truyền thống của dân tộc mình, tuy nhiên trang phục của họ đã có nhiều thay đổi so với trang phục truyền thống.

Từ khóa: *Thanh niên dân tộc; Trang phục truyền thống; Ngôn ngữ dân tộc.*

Ngày nhận bài: 20/2/2014; Ngày duyệt đăng bài: 25/6/2014.

1. Mở đầu

Bản sắc văn hoá được coi là tổng thể các giá trị đặc trưng bản chất của văn hóa dân tộc, được hình thành, tồn tại và phát triển suốt quá trình lịch sử lâu dài của đất nước, các giá trị đặc trưng ấy ở "tầng nền", mang tính bền vững, trường tồn, trù tượng và tiềm ẩn.

Bản sắc văn hoá còn được xem là những sắc thái văn hoá biểu hiện ở ngôn ngữ (nói, viết), trang phục, tín ngưỡng, văn hoá dân gian, nghi lễ cưới hỏi, ma chay... mang tính đặc trưng và tạo nên sự khác biệt giữa các vùng, các dân tộc.

Tuy nhiên, trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi quan tâm nhiều đến thực trạng sử dụng ngôn ngữ (nói và viết); trang phục của thanh niên thuộc dân

tộc Chăm, Khmer và Hoa đang sinh sống tại vùng Tây Nam Bộ.

Nghiên cứu này được tiến hành trên 5 tỉnh vùng Tây Nam Bộ bao gồm: Sóc Trăng, Kiên Giang, An Giang, Trà Vinh, Bạc Liêu. Phương pháp nghiên cứu định lượng bằng bảng hỏi được sử dụng là phương pháp chính của đề tài. Tổng số phiếu định lượng là 1.471 phiếu, trong đó, Sóc Trăng là 312 phiếu, Trà Vinh 290 phiếu, Kiên Giang 186 phiếu, An Giang 392 phiếu và Bạc Liêu là 291 phiếu.

Mẫu được chọn là thanh niên dân tộc Khmer, Chăm, Hoa tại các khu vực đã lựa chọn ở trên. Khách thể nghiên cứu đảm bảo bao trùm và phân bố tương đối đồng đều theo giới tính (nam và nữ), nghề nghiệp (nông nghiệp, kinh doanh buôn bán, dịch vụ, nghề tự do, học sinh, thất nghiệp...), trình độ học vấn.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Đánh giá của thanh niên dân tộc vùng Tây Nam Bộ về mức độ cần thiết giữ gìn bản sắc dân tộc

Theo kết quả thu được từ cuộc khảo sát, khá nhiều thanh niên trong mẫu khảo sát cho rằng cần thiết phải giữ gìn bản sắc truyền thống. Cụ thể: 88,9% thanh niên khi được hỏi về vấn đề này đều đánh giá việc giữ gìn bản sắc truyền thống của dân tộc mình là cần thiết. Một tỷ lệ nhỏ khoảng 1,7% thanh niên đánh giá là không cần thiết/không quan tâm đến vấn đề này. Có khoảng 4,7% thanh niên đánh giá là cần thiết 1 chút hoặc thấy bình thường trước vấn đề giữ gìn bản sắc văn hóa cho dân tộc mình.

Để làm rõ hơn những đánh giá này, chúng tôi xem xét đánh giá của thanh niên dân tộc thiểu số theo các tiêu chí dân tộc, giới tính, tuổi.

Bảng 1: Tỷ lệ % thanh niên theo từng dân tộc đánh giá về mức độ cần thiết giữ gìn bản sắc văn hóa

	Hoa	Chăm	Khmer
Không cần thiết/không quan tâm	2,2	2,6	0,7
Cần thiết 1 chút	10,6	2,6	1,6
Bình thường	6,4	3,6	4,3
Tương đối cần thiết	13,5	7,7	3,9
Rất cần thiết	67,3	83,5	89,5
Tổng	100	100	100

Bảng số liệu cho thấy có sự khác nhau trong tỷ lệ đánh giá về mức độ cần thiết giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống của thanh niên Khmer, Chăm và

Hoa. Nổi bật lên trong đánh giá về mức độ cần thiết của thanh niên dân tộc thiểu số là thanh niên dân tộc Khmer. 93,4% số thanh niên Khmer thấy cần thiết, tiếp đến là thanh niên dân tộc Chăm (91,2%) và đánh giá ở mức thấp hơn là thanh niên dân tộc Hoa (80,8%). Sự chênh lệch trong đánh giá giữa 3 nhóm thanh niên này có ý nghĩa thống kê với Khi bình phương = 0,000.

Tỷ lệ thanh niên dân tộc thiểu số là nam giới đánh giá mức độ cần thiết giữ gìn bản sắc văn hóa thấp hơn so với thanh niên dân tộc thiểu số là nữ giới: 86,6% so với 92,6%, Khi bình phương = 0,000.

Khi xem xét tỷ lệ đánh giá mức độ cần thiết giữ gìn bản sắc dân tộc theo nhóm tuổi, số liệu thu được ở bảng dưới đây cho thấy thanh niên ở nhóm tuổi từ 15 đến 18 tuổi có tỷ lệ số người đánh giá từ mức độ tương đối cần thiết đến rất cần thiết ở mức cao hơn so với 2 nhóm tuổi còn lại (92,1%). Tiếp đến là nhóm tuổi từ 19 đến 23 tuổi với tỷ lệ số người đánh giá là 89,3% và đứng thứ 3 là nhóm từ 24 tuổi trở lên có tỷ lệ số người đánh giá là 86,4%.

Bảng 2: Tỷ lệ % thanh niên dân tộc thiểu số đánh giá mức độ cần thiết trong việc giữ gìn bản sắc dân tộc theo nhóm tuổi

	15 đến 18 tuổi	19 đến 23 tuổi	24 tuổi trở lên
1. Không cần thiết	1,3	0,9	0,7
2. Cần thiết 1 chút	2,2	4,2	6,6
3. Bình thường	4,4	3,7	5,9
4. Tương đối cần thiết	6,4	10,2	7,7
5. Rất cần thiết	85,7	79,1	78,7
6. Không quan tâm	-	1,9	0,4

Như vậy, có thể thấy phần lớn thanh niên dân tộc thiểu số thuộc 3 dân tộc Khmer, Chăm và Hoa đánh giá cao sự cần thiết giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc mình. Thanh niên dân tộc thiểu số là nữ giới đánh giá tỷ lệ này cao hơn so với thanh niên dân tộc thiểu số là nam giới. Thanh niên dân tộc thiểu số ở tuổi càng trẻ thì đánh giá mức độ cần thiết giữ gìn bản sắc truyền thống của dân tộc mình càng cao.

2.2. Giữ gìn ngôn ngữ và chữ viết dân tộc của thanh niên dân tộc thiểu số vùng Tây Nam Bộ

Ngôn ngữ dân tộc là nhân tố góp phần quan trọng trong sự hình thành và phát triển dân tộc, quốc gia. Ngôn ngữ dân tộc là một phương diện cho thấy đặc

sắc riêng của văn hóa mỗi dân tộc. Ngôn ngữ dân tộc thể hiện qua tiếng nói và chữ viết của dân tộc ấy, là thước đo minh chứng về sự tồn tại và bền vững của dân tộc và quốc gia. Có tác giả cho rằng, đấu tranh cho sự tồn tại và phát triển của ngôn ngữ dân tộc là đảm bảo cho bản sắc văn hóa của dân tộc và quốc gia.

Kết quả khảo sát cho thấy, phần lớn thanh niên hiện nay sử dụng song ngữ (vừa sử dụng ngôn ngữ của dân tộc mình vừa sử dụng ngôn ngữ phổ thông - tiếng Việt) trong giao tiếp hàng ngày của mình. Không nhiều thanh niên người dân tộc chỉ nói một ngôn ngữ, hoặc chỉ ngôn ngữ của dân tộc mình hoặc chỉ ngôn ngữ phổ thông (lần lượt là 12,4% và 7,1%). Trong quá trình khảo sát, chúng tôi nhận thấy phần lớn thanh niên trong nhóm khảo sát nói riêng, cũng như người dân tộc tại địa phương nói chung, sử dụng 2 ngôn ngữ đan xen lẫn nhau.

Những ghi chép được từ các buổi phỏng vấn thanh niên người Chăm, Hoa và Khmer cho thấy, những thanh niên này sử dụng tiếng Kinh để trao đổi với nhóm nghiên cứu, nhưng khi trò chuyện với người cùng dân tộc, họ sử dụng ngôn ngữ của chính dân tộc họ. Điều khá lý thú chúng tôi nhận thấy ngay trong chính câu chuyện của 2 người cùng dân tộc, mặc dù họ nói ngôn ngữ của họ, nhưng vẫn có những từ mượn của tiếng Việt. Việc sử dụng song ngữ là vì *ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số đang dần bị mất đi, không có rất nhiều từ để có thể diễn đạt bằng tiếng dân tộc nên phải xen lẫn với tiếng phổ thông* (Biên bản phỏng vấn sâu số 160).

Bảng 3: Tỷ lệ % thanh niên dân tộc thiểu số vùng Tây Nam Bộ sử dụng ngôn ngữ dân tộc và ngôn ngữ phổ thông

	Tỷ lệ %
1. Chỉ nói tiếng dân tộc mình	12,4
2. Giao tiếp với dân tộc mình bằng cả 2 ngôn ngữ	42,6
3. Giao tiếp với dân tộc mình bằng tiếng dân tộc, giao tiếp với dân tộc khác bằng tiếng phổ thông	37,9
4. Chỉ nói tiếng phổ thông	7,1
Tổng	100

Có thể thấy ngôn ngữ bản địa đã có sự vay mượn từ ngôn ngữ phổ thông. Đây có thể được xem như là sự tiếp biến văn hóa của người dân tộc thiểu số vùng Tây Nam Bộ. Bên cạnh đó, văn hóa, lối sống hiện đại đã được thanh niên bản địa tiếp nhận và sử dụng và chính điều này đã làm nên sự phong phú về văn hóa và lối sống truyền thống của dân tộc họ. Lối sống hiện đại không chỉ xuất

hiện trong lối sống hàng ngày của thanh niên dân tộc thiểu số, mà nó còn xuất hiện trong ngôn ngữ giao tiếp hàng ngày, làm xuất hiện nhiều từ mới trong ngôn ngữ của người Chăm, Khmer và Hoa.

Khi so sánh đánh giá về số lượng thanh niên của nghiên cứu này sử dụng ngôn ngữ của dân tộc mình trong giao tiếp hàng ngày theo tiêu chí dân tộc, số liệu thống kê cho thấy thanh niên người Hoa đánh giá họ chỉ sử dụng ngôn ngữ của người Hoa với tỷ lệ cao nhất (15,4%), tiếp đến là thanh niên Chăm (13,7%) và đứng thứ 3 là thanh niên Khmer (9,6%). Số liệu cũng cho thấy, so với hai dân tộc khác, cũng nhiều người Hoa chỉ sử dụng tiếng phổ thông hơn (17,4% so với 1,5% và 3,3%). Sự khác biệt về tỷ lệ đánh giá giữa dân tộc Hoa, Chăm, Khmer có ý nghĩa về mặt thống kê với Khi bình phương = 0,000.

Thanh niên người Hoa giải thích cho việc chỉ sử dụng tiếng phổ thông là do: *Chưa có điều kiện học tiếng dân tộc mình; Biết rất ít tiếng Hoa; Không biết nói tiếng dân tộc...*

Trong số ba dân tộc được nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy người Hoa là người chăm chỉ làm ăn và có tính tiết kiệm để tích lũy hơn so với 2 dân tộc còn lại. Hầu hết các gia đình người Hoa đều sinh sống tại những khu vực mặt đường, rất ít gia đình sống trong làng. Việc sống gần chợ, trên các mặt lộ giúp cho người Hoa dễ dàng buôn bán. Cũng với tính chất công việc buôn bán mà người Hoa sử dụng tiếng phổ thông thường xuyên hơn. Bên cạnh đó, người Hoa so với người Khmer và người Chăm trong những địa bàn khảo sát chiếm tỷ lệ ít hơn, đồng thời người Hoa sống không tạo thành quần thể như người Khmer và người Chăm. Người Hoa sống xen kẽ với người Kinh nên nếu có giao tiếp bằng tiếng Hoa thì người Hoa chủ yếu là giao tiếp trong gia đình, họ không có nhiều cơ hội giao tiếp bằng tiếng dân tộc như người Khmer hoặc người Chăm.

Bảng 4: So sánh tỷ lệ sử dụng ngôn ngữ giao tiếp hàng ngày của thanh niên thuộc ba dân tộc (%)

	Hoa	Chăm	Khmer
1. Chỉ nói tiếng dân tộc	15,4	13,7	9,6
2. Giao tiếp với dân tộc mình bằng cả 2 ngôn ngữ	41,2	38,1	46,2
3. Giao tiếp với dân tộc mình bằng tiếng dân tộc, dân tộc khác bằng tiếng phổ thông	26,0	46,6	41,0
4. Chỉ nói tiếng phổ thông	17,4	1,5	3,3

Hiện tượng các dân tộc thiểu số bị mất ngôn ngữ không chỉ xảy ra ở Việt Nam, mà là vấn đề chung của nhiều nước trên thế giới. Nhiều vùng lãnh thổ khi

sáp nhập vào các nước lớn đã chỉ sử dụng ngôn ngữ phổ thông của quốc gia đó, dẫn đến việc thúc đẩy nhanh hơn sự biến mất của các ngôn ngữ đại diện cho vùng miền hay dân tộc. Tại Việt Nam, nhiều dân tộc không còn chữ viết riêng, tiếng nói riêng... một phần là bởi họ quá nghèo khổ, khó khăn nên không có điều kiện văn bản hóa ngôn ngữ của dân tộc mình, phần khác là do ngôn ngữ ấy bị cô lập, không cần thiết với những cộng đồng xung quanh. Bản thân những người của dân tộc ấy muốn giao thương, làm ăn buôn bán với dân tộc khác thì phải học tiếng phổ thông, thứ tiếng phổ biến trong cộng đồng. Việc sử dụng tiếng Việt thường xuyên dần trở thành thói quen và ngày càng ít người dùng tiếng của dân tộc mình để trao đổi trong sinh hoạt thường ngày. Các nhà ngôn ngữ học cho rằng khi một ngôn ngữ biến mất, thế giới sẽ mất đi một phương pháp tư duy, một cách nhìn nhận thế giới quanh ta.

Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp của con người. Ngôn ngữ làm nên văn hóa của một tộc người, là biểu hiện bản sắc văn hóa tộc người đó. Mất đi ngôn ngữ là mất đi cái đặc thù của tộc người nói chung và cá nhân nói riêng. Các ngôn ngữ đều có giá trị nhân văn như nhau. Kho tàng các ngôn ngữ thế giới là tài sản quý giá của nhân loại, cần được bảo vệ. Điều này hoàn toàn đúng khi nghiên cứu việc sử dụng và gìn giữ tiếng nói của dân tộc thiểu số, một dân tộc nào đó sẽ biến mất trên bản đồ dân tộc khi ngôn ngữ của họ không còn. Điều chúng tôi nhận thấy trong nghiên cứu này, thanh niên của 3 dân tộc Hoa, Chăm, Khmer vẫn duy trì được ngôn ngữ nói của dân tộc mình.

Bảng 5: So sánh mức độ sử dụng ngôn ngữ giao tiếp theo nhóm tuổi

Nhóm tuổi	15 đến 18 tuổi	19 đến 23 tuổi	Trên 24 tuổi
1. Chỉ nói tiếng dân tộc	15,1	8,4	13,5
2. Giao tiếp với dân tộc mình bằng cả 2 ngôn ngữ	36,7	42,1	48,1
3. Giao tiếp với dân tộc mình bằng tiếng dân tộc, dân tộc khác bằng tiếng phổ thông	44,7	39,3	30,7
4. Chỉ nói tiếng phổ thông	3,6	10,3	7,7

Khi xem xét việc sử dụng ngôn ngữ dân tộc theo nhóm tuổi, số liệu thu được cho thấy nhóm thanh niên trong độ tuổi từ 15 - 18 sử dụng song song 2 ngôn ngữ khá linh hoạt (44,7%). Có thể do đây là nhóm thanh niên trong độ tuổi học sinh, khi lên lớp, các em chủ yếu sử dụng ngôn ngữ phổ thông, về nhà, các em sử dụng tiếng của dân tộc mình. Số liệu thống kê cũng cho thấy có sự khác biệt về tỷ lệ số người đánh giá giữa các nhóm tuổi với ý nghĩa thống kê Khi bình phương = 0,000.

Việc sử dụng ngôn ngữ dân tộc trong giao tiếp hàng ngày của thanh niên dân tộc vùng Tây Nam Bộ hiện nay cũng có những khác nhau giữa các nhóm theo trình độ học vấn. Nhóm trình độ học vấn thấp (cấp I & II) có tỉ lệ thanh niên chỉ nói tiếng dân tộc mình cao hơn rất nhiều so với 2 nhóm có trình độ cao hơn là cấp III và nhóm trung cấp trở lên. Cụ thể, 20,1% số người trong nhóm thanh niên có trình độ học vấn thấp chỉ biết nói tiếng dân tộc mình, số liệu tương ứng trong nhóm có trình độ trung cấp trở lên là 9% và trong nhóm thanh niên có trình độ cấp III là 5%. Có thể việc học hành hạn chế khiến cho những người có trình độ học vấn thấp ít có cơ hội trò chuyện với người dân tộc khác, đồng thời cũng cản trở khả năng sử dụng ngôn ngữ phổ thông của thanh niên dân tộc thiểu số.

Trong quá trình khảo sát tại địa phương, chúng tôi cũng ghi nhận được tình trạng sử dụng tiếng Việt của thanh niên 3 dân tộc Hoa, Chăm và Khmer. Phần lớn thanh niên nói tiếng Việt khá thành thạo, song vẫn có một số thanh niên dân tộc thiểu số nói tiếng Việt rất kém. Họ chỉ có thể nói và hiểu tiếng Việt ở mức đơn giản. Phần lớn họ là những thanh niên học chưa hết phổ thông cơ sở. Câu hỏi đặt ra là liệu thanh niên dân tộc thiểu số có trình độ học vấn thấp thì mức độ duy trì tiếng dân tộc có tốt hơn? Thực tế cho thấy khi thanh niên có trình độ học vấn cao, khả năng giao lưu với những cộng đồng bên ngoài nhiều hơn, nói tiếng Việt thành thạo hơn... thì họ sẽ có ý thức hơn trong việc giữ gìn ngôn ngữ của mình. Để làm rõ hơn về nhận định này cần có những nghiên cứu chuyên sâu hơn. Kết quả của nghiên cứu này chỉ mang tính chất khai phá và gợi mở cho những nghiên cứu tiếp theo.

Bảng 6: So sánh mức độ sử dụng ngôn ngữ giao tiếp theo trình độ học vấn

Trình độ học vấn	Cấp I & II	Cấp III	Trung cấp trở lên
1. Chỉ nói tiếng dân tộc	20,1	5,7	8,9
2. Giao tiếp với dân tộc mình bằng cả 2 ngôn ngữ	40,8	44,7	43,4
3. Giao tiếp với dân tộc mình bằng tiếng dân tộc, dân tộc khác bằng tiếng phổ thông	36,6	43,5	34,3
4. Chỉ nói tiếng phổ thông	2,6	6,2	13,4

Như vậy, phần lớn thanh niên Chăm, Hoa và Khmer sử dụng cùng lúc cả 2 ngôn ngữ. Số thanh niên chỉ sử dụng 1 ngôn ngữ trong giao tiếp hàng ngày là không nhiều. Thanh niên sử dụng ngôn ngữ tùy thuộc vào tình huống, hoàn cảnh và đối tượng giao tiếp của họ là ai. Khi được hỏi về lý do lựa chọn ngôn

ngữ sử dụng, thanh niên đưa ra rất nhiều lý do. Có người cho rằng khi gặp người không cùng dân tộc phải nói tiếng Việt để mọi người hiểu, ý kiến khác lại nói sử dụng ngôn ngữ của dân tộc mình để duy trì trau dồi ngôn ngữ của dân tộc họ.

Ý kiến của thanh niên trong mẫu nghiên cứu giải thích cho việc muốn duy trì sử dụng hàng ngày ngôn ngữ dân tộc:

- *Nói tiếng dân tộc sẽ giúp bản thân trau dồi từ vựng và góp phần nhỏ của mình trong việc bảo tồn văn hoá dân tộc. Tiếng phổ thông giúp nâng cao trình độ học và khả năng tiếp thu do sách dạy chủ yếu là tiếng phổ thông.*

- *Tiếng mẹ đẻ là tiếng nói quan trọng chúng ta cần phát huy. Còn tiếng phổ thông là tiếng bắt buộc vì là tiếng nói chung của cả đất nước.*

- *Tại mình rất yêu thương dân tộc mình.*

- *Nhằm bảo vệ lời nói tiếng nói của dân tộc mình.*

- *Đó là nét riêng của dân tộc nên cần giữ gìn.*

Hoặc chúng tôi nhận được các ý kiến sau giải thích cho việc sử dụng 2 ngôn ngữ:

- *Kết hợp 2 loại ngôn ngữ mới có thể diễn đạt hết ý.*

- *Khi mình giao tiếp như vậy mình sẽ dễ diễn đạt những ý tưởng của mình, đồng thời giúp người khác tiếp thu một cách nhanh chóng và dễ dàng hơn.*

- *Khi giao tiếp với dân tộc mình bằng cả hai loại ngôn ngữ sẽ giúp cho người dân tộc vừa gìn giữ được tiếng nói của dân tộc, vừa có thể tiếp thu lắng nghe hiểu được tiếng phổ thông hơn.*

Chúng tôi nhận thấy thanh niên dân tộc thiểu số vùng Tây Nam Bộ đã có ý thức gìn giữ ngôn ngữ của dân tộc mình thông qua việc sử dụng trong giao tiếp hàng ngày. Tuy nhiên, việc duy trì chữ viết của từng dân tộc không được thường xuyên như ngôn ngữ nói.

Khi được hỏi về mong muốn duy trì chữ viết của dân tộc mình, 94,1% số thanh niên dân tộc thiểu số vùng Tây Nam Bộ trong mẫu khảo sát đều muốn duy trì chữ viết, 2,1% số thanh niên cho rằng không cần thiết và 3,8% số thanh niên không quan tâm đến việc có nên duy trì chữ viết của dân tộc mình hay không.

Một thực tế cho thấy, đa số thanh niên dân tộc thuộc 3 dân tộc này đều mong muốn duy trì chữ viết của dân tộc mình, nhưng số người thực sự thực hiện việc duy trì lại thấp.

Đối với người Khmer, các sư trong chùa Khmer đều cố gắng duy trì chữ viết cho người dân bằng cách tổ chức các lớp dạy chữ Khmer cho trẻ em, thanh

niên. Bất cứ ai muốn học chữ Khmer đều được học miễn phí tại chùa. Khó khăn cho việc dạy chữ Khmer cho học sinh người dân tộc là các em chỉ có thể học vào 3 tháng hè. Tuy nhiên, việc duy trì chữ viết đòi hỏi phải có thời gian và rèn luyện thường xuyên, nhưng các em học sinh Khmer không có thời gian luyện tập do còn phải học tiếng Việt. Không có nhiều sách tiếng Khmer, chủ yếu vẫn là sách kinh phật. Do vậy, khả năng phủ rộng chữ Khmer trở nên khó khăn. Hầu hết thanh niên dân tộc Khmer không nhớ được mặt chữ Khmer.

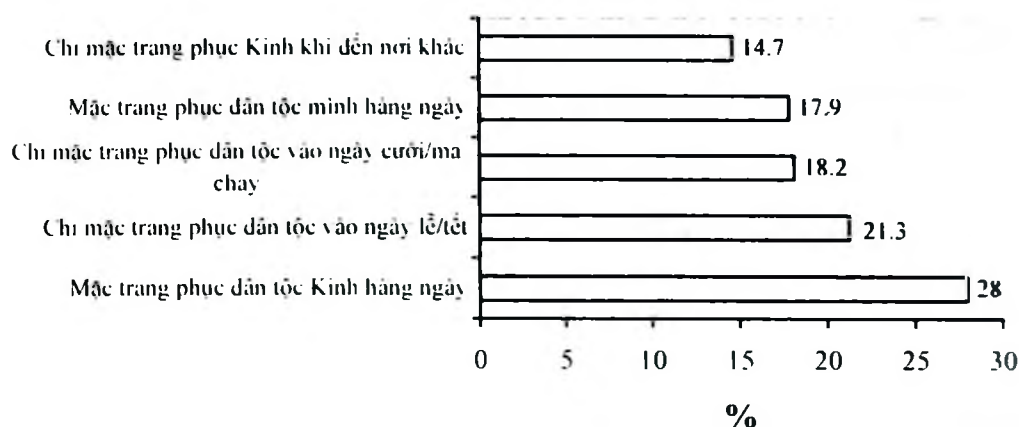
Đối với người dân tộc Chăm, việc duy trì chữ viết cho thế trẻ cũng gặp khá nhiều khó khăn. Tuy nhiên, các Giáo Cả vẫn đang rất cố gắng để có thể đưa chữ viết của người Chăm tới các em nhỏ.

Những người dân tộc thiểu số đang ở độ tuổi thanh niên hiện nay có thể nói và viết thông thạo ngôn ngữ của dân tộc mình chiếm tỷ lệ còn khiêm tốn. Với những người dân tộc thiểu số đã và đang sống cùng người Kinh thì việc hòa nhập nhanh chóng với ngôn ngữ chung là cách nhanh nhất để họ tiếp cận với các giá trị mới.

Như vậy, thanh niên dân tộc thiểu số chỉ sử dụng ngôn ngữ của dân tộc mình dưới dạng nói giao tiếp hàng ngày. Ngôn ngữ dưới dạng viết gần như không được sử dụng hoặc sử dụng ở mức hạn chế.

2.3. Giữ gìn trang phục truyền thống của thanh niên dân tộc vùng Tây Nam Bộ

Trang phục dân tộc được xem là một trong những biểu tượng đặc trưng văn hóa của dân tộc đó. Chỉ cần nhìn vào trang phục, người ta có thể nhận biết được trang phục này thuộc dân tộc nào. Nhiều dân tộc thiểu số sống xen kẽ với những dân tộc đa số đã bị đồng hóa về trang phục. Do vậy, việc duy trì và bảo tồn các trang phục dân tộc tạo nên nét đa dạng văn hóa cho một đất nước là điều cần thiết.



Biểu đồ 1: Tỷ lệ sử dụng trang phục của thanh niên dân tộc thiểu số

Kết quả thống kê cho thấy: khá ít thanh niên chỉ mặc trang phục của dân tộc mình (17,9%). 67,5% số thanh niên dân tộc được hỏi cho rằng họ mặc trang phục của dân tộc Kinh hàng ngày. Trong số những thanh niên mặc trang phục của dân tộc Kinh hàng ngày có 21,3% số người chỉ mặc trang phục dân tộc vào ngày lễ/tết, 18,2% số thanh niên chỉ mặc trang phục dân tộc vào dịp cưới hoặc ma chay, số còn lại hoàn toàn chỉ mặc trang phục của dân tộc Kinh. 14% số thanh niên cho biết họ chỉ mặc trang phục của dân tộc Kinh khi đến nơi khác hoặc khi họ tham gia các buổi lễ hội của người Kinh.

Những số liệu cụ thể trên đây cho thấy, thanh niên dân tộc sử dụng trang phục của dân tộc Kinh phổ biến hơn so với việc sử dụng trang phục của chính dân tộc mình. Có rất nhiều lý do khiến thanh niên dân tộc thiểu số nói chung và thanh niên dân tộc thiểu số vùng Tây Nam Bộ lựa chọn trang phục của dân tộc Kinh trong cuộc sống hàng ngày (xem hộp 1).

Hộp 1: Các ý kiến của thanh niên dân tộc thiểu số vùng Tây Nam Bộ về việc mặc trang phục của người Kinh hàng ngày

- Trang phục người Kinh ngày càng phổ biến dễ mua, dễ may, dễ mặc;
- Để thuận tiện cho việc sinh hoạt và nhu cầu làm việc;
- Để thích nghi với đời sống xung quanh;
- Trang phục của dân tộc mình chỉ phù hợp với các lễ hội, còn trang phục dân tộc Kinh phù hợp khi ra đường, khi làm việc hàng ngày;
- Hàng ngày phải đi học, làm việc và sống cùng người Kinh nên mặc đồ người Kinh, còn đám cưới thì mặc trang phục của dân tộc mình;
- Trang phục của người Kinh đơn giản;
- Vì hợp thời trang và thoải mái;
- Nếu mặc trang phục truyền thống của dân tộc mình hàng ngày có nhiều bất tiện trong sinh hoạt, khó hoạt động;
- Phù hợp với hiện đại;
- Vì mình đang sống ở Việt Nam, mình phải mặc trang phục phù hợp với nơi mình đang sống vì ở đây đa số là người Kinh;
- Trang phục của người Kinh gọn, thoải mái phù hợp cho sinh hoạt hàng ngày còn trang phục dân tộc hơi rườm rà và bất tiện trong sinh hoạt;
- Giao tiếp với người Kinh nhiều hơn với người dân tộc, hơn nữa trang phục dân tộc đắt tiền hơn, khó kiếm được thợ may;
- Trang phục người Khmer cầu kỳ kiểu cách, không thể mặc dù ra đồng hay đi chợ, mà thay vào đó sẽ mặc trang phục người Kinh;

...